

Ảnh hưởng đặc điểm của làng xã đến lượng tiêu thụ đồ uống có cồn tại nông thôn Việt Nam

Impact of communal characteristics on alcohol consumption: evidence from rural Vietnam

Ngô Hoàng Thảo Trang¹, Võ Hồ Quốc Huy^{1*}, Phạm Quỳnh Dung¹,
Nguyễn Thị Bích Ngọc¹, Nguyễn Hoàng Long¹

¹Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

*Tác giả liên hệ, Email: vohoquochuy0507@gmail.com

THÔNG TIN

DOI: 10.46223/HCMCOUJS.
soci.vi.17.2.2374.2022

Ngày nhận: 12/07/2022

Ngày nhận lại: 15/08/2022

Duyệt đăng: 17/08/2022

TÓM TẮT

Nghiên cứu sử dụng bộ số liệu Khảo sát mức sống hộ gia đình Việt Nam năm 2018 và phương pháp hồi quy bình phương nhỏ nhất nhằm phân tích mối quan hệ nhân quả của các đặc điểm của làng xã tập trung vào các nhân tố như tỷ lệ thất nghiệp, tỷ lệ hộ nghèo, tệ nạn xã hội (mại dâm, ma túy) và các yếu tố khác ảnh hưởng đến lượng tiêu thụ đồ uống có cồn theo xã. Kết quả nghiên cứu cho thấy tỷ lệ thất nghiệp tăng có xu hướng làm tăng việc tiêu thụ bia. Trong khi đó tệ nạn xã hội là mại dâm và tỷ lệ hộ nghèo có xu hướng làm tăng việc tiêu thụ rượu. Các yếu tố khác gồm có tuổi, trình độ học vấn, quy mô hộ và giá cả rượu, bia trung bình cấp xã cũng ảnh hưởng đến lượng tiêu thụ rượu bia. Kết quả nghiên cứu không chỉ đóng góp cho các nghiên cứu thực nghiệm về các yếu tố ảnh hưởng đến lượng tiêu thụ đồ uống có cồn ở các quốc gia đang phát triển mà còn đưa ra những đề xuất chính sách đề chính phủ và chính quyền địa phương hạn chế lượng tiêu thụ bia, rượu trong dài hạn bao gồm các chính sách liên quan đến tạo công ăn việc làm, chính sách ổn định an ninh trật tự địa phương, chính sách giảm nghèo, chính sách tuyên truyền về tác hại của bia rượu và chính sách thuế liên quan đến bia rượu.

ABSTRACT

Từ khóa:

đặc điểm của làng xã; đồ uống có cồn; nghèo đói; tệ nạn xã hội; thất nghiệp

Keywords:

commune characteristics; alcoholic beverages; poverty; social evils; unemployment

The research used the Vietnam Household Living Standard Survey 2018 dataset and the Ordinary Least Square regression to analyze the causal relationship of the characteristics of the commune, focusing on factors such as unemployment rate, poverty rate, and society's vices (prostitution, drugs) and other factors affecting alcohol consumption by the commune. Research results show that rising unemployment rates tend to increase beer consumption. Meanwhile, social evils are prostitution and the poverty rate tends to increase alcohol consumption. Other factors including age, education, household size and an average price of alcohol and beer at the commune level also affect alcohol consumption. The research results not only contribute to empirical studies on the factors affecting the consumption of alcoholic beverages in developing countries but also provide policy recommendations to the government and the authorities to limit the consumption of beer and alcohol in the long term, including policies related to job creation, stabilize local security and order, reduce poverty, propagate harmful effects and tax policy related to alcohol.

1. Giới thiệu

Việc tiêu thụ đồ uống có cồn như rượu hoặc bia có tác động to lớn về mặt xã hội ở nhiều quốc gia, đặc biệt là sức khỏe thể trạng của người sử dụng. Hiện tại, rượu có liên quan đến hơn 200 căn bệnh, gây ra hơn 03 triệu ca tử vong mỗi năm (WHO, 2022). Ngoài ra, rượu bia được xem là một trong những chất kích thích, chất gây nghiện, có khả năng gây ra những thay đổi tiêu cực về tinh thần và hành vi của người tiêu dùng. Ở các nước đang phát triển, các nước có thu nhập trung bình và thấp như Việt Nam hoặc Ấn Độ, tổng lượng rượu tiêu thụ đang tăng nhanh. Ước tính, trung bình mỗi người Việt Nam trên 15 tuổi tiêu thụ 8.3 lít cồn nguyên chất/năm, con số này gấp 04 lần so với người Trung Quốc và Singapore. Sự tiêu thụ khổng lồ này có tác động tiêu cực đến nhiều mặt trong cuộc sống của người dân khi số lượng rượu tiêu thụ tăng tỷ lệ thuận với số ca tai nạn giao thông (WHO, 2018).

Việt Nam cung cấp một bối cảnh điển hình cho các nước đang phát triển với tình trạng sử dụng bia rượu ở mức cần chú ý. Một trong những dự thảo đang được chú trọng của quốc gia này gần đây chính là hạn chế quảng cáo, sử dụng đồ uống có cồn vì những hệ lụy quan trọng. Theo tạp chí Forbes (2019) dựa trên dữ liệu từ Lancet, Việt Nam là một trong năm quốc gia có lượng tiêu thụ rượu bia tăng nhanh nhất. Mục tiêu của đất nước này là sản xuất được 4.1 tỷ lít bia và 350 triệu lít rượu, tuy nhiên, chưa hết năm 2017, Việt Nam đã vượt mức này. Chi phí riêng chi phí tiêu thụ bia của Việt Nam hiện đã trên 04 tỷ USD. Như vậy, bình quân mỗi người Việt chi khoảng 10 triệu đồng cho bia rượu, gấp 04 lần so với việc chi tiêu cho y tế. Nghiên cứu cho thấy trên 100 người tử vong do tai nạn giao thông có liên quan đến bia rượu ở quốc gia này mỗi năm, hơn một nửa nạn nhân là nam giới từ 15 - 29 tuổi. Ngoài ra, rượu bia cũng có mối liên hệ với khoảng 30 loại ung thư khác nhau như tụy, máu, tế bào bạch hầu, tiêu hóa, mỡ máu. Xét về góc nhìn cá nhân, tiêu thụ rượu bia có ảnh hưởng đến đời sống người dân theo hướng tiêu cực, khi người dân bị giảm cả thu nhập cũng như tình trạng cuộc sống.

Các nghiên cứu thực nghiệm chỉ ra rằng các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tiêu thụ rượu bia thì chịu ảnh hưởng của các nhân tố vĩ mô và vi mô. Dưới góc độ vĩ mô thì các yếu tố thuộc về đặc điểm kinh tế xã hội trong khu vực ảnh hưởng đến việc tiêu thụ rượu bia. Cụ thể, các nghiên cứu thực nghiệm tìm thấy bằng chứng rằng ở các vùng có sự bất ổn định về mặt kinh tế và xã hội thì sẽ dẫn đến lượng tiêu thụ rượu bia tăng. Nghiên cứu thực nghiệm của Odukoya, Sekoni, Onajole, và Upadhyay (2013); Andersson, Twum-Antwi, Staland-Nyman, và van Rooyen (2017); Hakkarainen và Metso (2009) chỉ ra rằng các tệ nạn xã hội như ma túy, mại dâm, hay thất nghiệp và nghèo đói làm tăng mức độ sử dụng rượu, bia. Đối với các yếu tố vi mô nghiên cứu cũng chỉ ra các yếu tố thuộc về đặc điểm nhân khẩu học như tuổi, giới tính, thu nhập, quy mô hộ, học vấn và yếu tố giá cả thức uống có cồn cũng ảnh hưởng đến lượng tiêu thụ bia rượu (Abdel- Ghany & Silver, 1998; Atkinson, Gomulka, & Stern, 1990; Touvier & ctg., 2013; Zhang, Cartmill, & Ferrence, 2008).

Để bổ sung vào các nghiên cứu thực nghiệm về các yếu tố ảnh hưởng đến việc tiêu thụ thức uống có cồn và cũng như giúp chính phủ và chính quyền địa phương có chính sách tốt, hiệu quả nhằm giảm lượng rượu bia tiêu thụ; nghiên cứu này cũng tập trung phân tích sự ảnh hưởng của các yếu tố thuộc về đặc điểm xã hội lên việc tiêu thụ đồ uống có cồn. Điểm khác biệt của nghiên cứu này so với nghiên cứu trước đó là dữ liệu nghiên cứu là cấp xã, thay vì là cấp độ cá nhân hay quốc gia. Thực tế là có rất ít các nghiên cứu thực nghiệm được tiến hành dưới góc độ cấp xã mà nguyên nhân chính là tính không sẵn có của bộ dữ liệu. Điểm khác biệt tiếp theo là nghiên cứu tập trung phân tích các yếu tố thuộc về đặc điểm kinh tế xã hội cấp xã và tập trung vào các yếu tố bất ổn cấp xã như thất nghiệp, nghèo đói, tệ nạn xã hội (mại dâm, ma túy) lên việc tiêu thụ bia rượu. Kết quả nghiên cứu kỳ vọng không chỉ đóng góp vào kết quả các nghiên cứu thực nghiệm mà còn

giúp cho chính quyền địa phương có những chính sách giảm việc tiêu thụ rượu bia trong dài hạn nhằm xây dựng môi trường sống lành mạnh cho người dân.

2. Cơ sở lý thuyết và tổng quan các nghiên cứu

2.1. Lý thuyết nền có liên quan

Việc tiêu thụ quá mức rượu, bia được xem như một hành vi mang tính rủi ro và có thể được giải thích ở dưới các lý thuyết kinh tế khác nhau. Trong nghiên cứu này, lý thuyết về vô tổ chức xã hội (Bursik, 1988; Shaw & McKay, 1942; Sampson, Raudenbush, & Earls, 1997), lý thuyết về sinh thái xã hội (Bronfenbrenner, 1979) và lý thuyết căng thẳng xã hội (Pearlin, Menaghan, Lieberman, & Mullan, 1981) được sử dụng để giải thích sự khác biệt về các điều kiện kinh tế xã hội cấp xã, cấp khu vực lên việc tiêu thụ rượu bia. Theo lý thuyết về tổ chức xã hội của Shaw và McKay (1942) thì những khu vực thiếu thốn về mặt kinh tế và xã hội thì người dân của khu vực đó có xu hướng tham gia vào các hành vi mang tính rủi ro hơn các khu vực giàu có hay ở những khu vực có tổ chức cộng đồng xã hội tốt hơn. Theo lý thuyết về sinh thái xã hội của Bronfenbrenner (1979) thì cho rằng cộng đồng nơi người dân sinh sống đóng vai trò quan trọng trong việc ngăn ngừa sự phát triển của các hành vi mang tính rủi ro và tệ nạn xã hội. Còn theo lý thuyết căng thẳng của Pearlin và cộng sự (1981) thì cho thấy rằng khi người dân sống ở những khu vực thiếu thốn về mặt kinh tế và xã hội thì sẽ gây cho họ những thất vọng, căng thẳng và việc tham gia vào các hành vi mang tính rủi ro như uống bia, rượu được xem như là cơ chế để họ đối phó với những căng thẳng, thất vọng trong cuộc sống.

2.2. Tổng quan nghiên cứu

Nghiên cứu này tập trung phân tích các đặc điểm bất lợi về mặt kinh tế - xã hội của xã lên mức độ tiêu thụ rượu bia của người dân trong xã. Theo đó, các đặc điểm bất lợi chính được đưa vào bài phân tích bao gồm tỷ lệ thất nghiệp, tệ nạn xã hội (mại dâm, ma túy), tỷ lệ hộ nghèo của xã. Ngoài ra, nhóm tác giả cũng đo lường các yếu tố khác của xã như đặc điểm về giới, độ tuổi, quy mô hộ gia đình, học vấn, thu nhập của hộ, và giá bia rượu.

2.2.1. Mối quan hệ giữa tỷ lệ thất nghiệp và việc tiêu thụ rượu bia

Hầu hết các nghiên cứu này cho thấy tiêu thụ rượu bia ảnh hưởng tiêu cực đến việc làm và thu nhập theo nhiều cách khác nhau (Johansson, Alho, Kiiskinen, & Poikolainen, 2007; MacDonald & Shields, 2004; Mullahy & Sindelar, 1991; Terza 2002). Cụ thể, lạm dụng hoặc sử dụng quá mức rượu bia ảnh hưởng trực tiếp đến năng suất thông qua các hậu quả của nó đến sức khỏe của người lao động, sự tham gia hoặc vắng mặt, và hiệu quả công việc kém và gián tiếp thông qua trình độ học vấn thấp hơn và đào tạo tại chỗ. Trong một thị trường lao động cạnh tranh, năng suất thấp hơn có liên quan đến khả năng mất việc làm cao hơn và giảm thu nhập. Cũng trong nghiên cứu của Jayathilaka, Selvanathan, và Bandaralage (2016) cho thấy rằng có một tác động dương giữa tỷ lệ thất nghiệp đối với việc chi tiêu cho đồ uống có cồn. Điều này được giải thích rằng những người hiện đang tích cực tìm việc làm nhưng lại không được nhận đang phải chịu một áp lực về mặt tâm lý và tinh thần, từ đó dẫn đến các quyết định sử dụng rượu bia.

2.2.2. Mối quan hệ giữa tệ nạn xã hội (mại dâm, ma túy) lên việc tiêu thụ rượu bia

Trong một nghiên cứu của Hakkarainen và Metso (2009) cho thấy rằng tỷ lệ sử dụng ma túy tăng tỷ lệ thuận cùng với mức tiêu thụ rượu hàng năm và việc sử dụng nhiều chất gây nghiện phổ biến nhất ở những người nghiện rượu nặng. Việc uống nhiều lần và thường xuyên đến các quán rượu và nhà hàng tăng cùng với việc tham gia vào các “nền văn hóa” ma túy. Ngoài ra trong một nghiên cứu khác của Wilton và Moreno (2012), việc sử dụng rượu bia và ma túy đồng thời sẽ làm phát sinh trải nghiệm sống mới. Điều này cho thấy có một tác động cùng chiều rõ rệt từ việc sử dụng ma túy đồng thời với rượu bia.

Theo nghiên cứu của Mbonye, Rutakumwa, Weiss, và Seeley (2014), các nguyên nhân dẫn đến việc uống rượu và mối liên hệ của nó với hành vi tình dục có nguy cơ rất cao đối với những người phụ nữ hành nghề bán dâm. Những đối tượng này hầu hết ở gần các quán bar hoặc gần những địa điểm mà có thể dễ dàng tiếp cận rượu bia và họ nhắm đến những khách hàng đang uống rượu, những người mà chính họ sử dụng rượu bia, đồ uống có cồn, chất kích thích để đàm phán về tình dục. Các tài liệu khác đã ghi nhận rằng những người hành nghề mại dâm tại quán bar có xu hướng uống nhiều rượu hơn những người khác (Chersich & ctg., 2007; Yadav & ctg., 2005).

2.2.3. Mối quan hệ giữa tỷ lệ hộ nghèo lên việc tiêu thụ rượu bia

Nhiều nghiên cứu chỉ ra được có một mối liên hệ giữa việc sử dụng rượu bia đối với những người nghèo hoặc gần chuẩn nghèo. Trong nghiên cứu của Jayathilaka và cộng sự (2016) các hộ gia đình nghèo dễ nhạy cảm đối với việc dành thu nhập của họ cho tiêu thụ đồ uống có cồn. Việc sử dụng rượu, bia là rất phổ biến ở các hộ gia đình nghèo, đặc biệt là ở các khu vực nông thôn.

Một trong những yếu tố kinh tế xã hội tiềm ẩn ảnh hưởng đến tỷ lệ nghèo đói chính là việc tiêu thụ rượu. Một số nhà nghiên cứu đã chỉ ra rằng có sự tương quan giữa tỷ lệ tiêu thụ rượu bia và tỷ lệ nghèo đói (Baltagi & Goel, 1990; Delva & Kameoka, 1999; Droomers, Schrijvers, Stronks, van de Mheen, & Mackenbach, 1999; Jones-Webb, Snowden, Herd, Short, & Hannan, 1997; Khan, Murray, & Barnes, 2002; Samarasinghe, 2006; Singer, Valentin, Baer, & Jia, 1992; Pu, Lan, Chou, & Lan, 2008). Các xu hướng nghiên cứu liên quan đến nghèo đói đã bỏ qua mối quan hệ này mặc dù có nhiều bằng chứng chứng minh nó có tồn tại (Karnani, 2009). Từ góc độ tâm lý, những thách thức về tài chính trong cuộc sống, hoặc thất nghiệp có thể làm tăng căng thẳng, lo lắng và bất hòa trong các thành viên trong gia đình, do đó dẫn đến việc sử dụng rượu nhiều hơn (Catalano, Lind, Rosenblatt, & Attkisson, 1999; Peirce, Frone, Russell, & Cooper, 1994; Wilson & Walker, 1993).

2.2.4. Các yếu tố khác tác động đến việc tiêu thụ rượu bia

Ngoài các yếu tố bất lợi về mặt kinh tế xã hội, thì các yếu tố khác như giới, tuổi, quy mô hộ, thu nhập, học vấn, giá bia rượu cũng tác động đến lượng tiêu thụ đồ uống có cồn cấp xã. Atkinson và cộng sự (1990) cho thấy sự khác biệt về giới trong lượng tiêu thụ rượu bia, nam giới thường sử dụng rượu bia và gây ra nhiều tệ nạn liên quan hơn là nữ giới. Bên cạnh đó, đối với những người lớn tuổi, họ nhạy cảm hơn với những tác động tiêu cực từ bia rượu hơn là những người trẻ hơn (Touvier & ctg., 2013).

Đặc điểm hộ gia đình như quy mô hay thu nhập cũng có tác động mạnh mẽ đến hành vi tiêu thụ rượu bia của các thành viên trong gia đình, đặc biệt là chủ hộ. Đối với những hộ gia đình có nhiều trẻ nhỏ hoặc người trong độ tuổi phụ thuộc cũng là một trong những nguyên nhân gây ra áp lực, căng thẳng cho chủ hộ từ đó dẫn đến quyết định sử dụng loại thức uống có cồn này (Atkinson & ctg., 1990). Nghiên cứu của Abdel-Ghany và Silver (1998) đã chứng minh thu nhập của hộ gia đình có tác động mạnh mẽ đến quyết định chi tiêu cho rượu, bia. Khi thu nhập cao hơn thì số tiền chi tiêu cho rượu, bia cũng cao hơn, kết quả cho thấy một tác động dương.

Trong nhiều trường hợp, học vấn của một người giúp họ ý thức được các tác động xấu của đồ uống có cồn đến sức khỏe cá nhân và sức khỏe cộng đồng, từ đó, tự điều chỉnh hành vi tiêu thụ của mình đối với loại đồ uống này. Hầu hết các nhà nghiên cứu chỉ ra mối liên hệ âm giữa trình độ học vấn và số lượng tiêu thụ rượu bia (Abdel-Ghany & Silver, 1998). Ngoài ra, tình trạng hôn nhân cũng có cho thấy ảnh hưởng trong hành vi của nhóm đối tượng sử dụng rượu bia, người có gia đình sẽ giảm chi tiêu cho rượu bia để trang trải các vấn đề khác trong gia đình như con cái, giáo dục, thực phẩm, ...

Đã có rất nhiều nghiên cứu về giá cả ảnh hưởng đến lượng tiêu thụ thức uống cồn. Hầu hết nghiên cứu đều cho thấy một tác động tiêu cực giữa giá của loại hàng hóa này và lượng tiêu thụ của nó. Trong một nghiên cứu của Zhang và cộng sự (2008) cho thấy khi tăng giá tiền bán thì lượng tiêu thụ sẽ giảm đi nhưng chỉ trong một khoảng thời gian. Khi mà mức sống và thu nhập của các hộ gia đình tăng dần theo thời gian thì việc tiêu tiền nhiều hơn cho rượu, bia là điều hoàn toàn có thể xảy ra khi mà họ đã không còn nhạy cảm về giá. Tác giả nhận thấy rằng các chính sách về thuế áp lên hàng hóa rượu, bia cần phải điều chỉnh theo thời gian và mức sống của người dân từ đó có thể cải thiện mức độ tiêu thụ và làm giảm các tác hại mà loại đồ uống này mang lại. Abdel-Ghany và Silver (1998) đã chứng minh thu nhập của hộ gia đình có tác động mạnh mẽ đến quyết định chi tiêu cho rượu, bia. Khi thu nhập cao hơn thì số tiền chi tiêu cho rượu, bia cũng cao hơn, kết quả cho thấy một tác động dương

3. Dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

3.1. Dữ liệu nghiên cứu

Dữ liệu nghiên cứu được lấy từ Bộ dữ liệu Khảo sát mức sống hộ gia đình Việt Nam (VHLSS) năm 2018. Đây là bộ dữ liệu khảo sát dựa vào các thông tin của hộ gia đình như: thu nhập, chi tiêu, các hoạt động kinh tế, giáo dục, chăm sóc sức khỏe và các cơ sở hạ tầng sẵn có như điện, nước, đường sá và các cơ sở khác. Dữ liệu từ nghiên cứu cho thấy số mẫu đại diện là 1,367 xã ở khu vực nông thôn Việt Nam.

3.2. Mô hình nghiên cứu

Dựa vào các nghiên cứu của Hakkarainen và Metso (2009); Jayathilaka và cộng sự (2016); Mbonye và cộng sự (2014) đề tài thực hiện đo lường mức độ tiêu thụ rượu bia bằng việc hồi quy mô hình hồi quy OLS để kiểm định các nhân tố tác động đến lượng tiêu thụ rượu bia. Bài nghiên cứu đề xuất mô hình nghiên cứu như sau:

$$Y_i = \beta_0 + \beta_1 \text{thatnghiep} + \beta_2 \ln(\text{matuy}) + \beta_3 \ln(\text{maidam}) + \beta_4 \text{hongheo} + \beta_5 \text{namtb} + \beta_6 \text{tuoitb} + \beta_7 \text{THCS} + \beta_8 \text{THPT} + \beta_9 \text{tbnguoi1ho} + \beta_{10} \text{thunhaptb} + \beta_{11} \text{Gi} + \varepsilon_i \quad (1)$$

Cụ thể:

Y_i là lượng tiêu thụ rượu, bia trung bình của hộ theo xã trong 01 tháng (lít/tháng). thatnghiep là tỷ lệ thất nghiệp của xã được tính bằng tỷ lệ của số người thất nghiệp trong độ tuổi lao động trên tổng số dân trưởng thành (%). $\ln(\text{matuy})$ là log cơ số e số người nghiện ma túy của xã. $\ln(\text{maidam})$ là log cơ số e số vụ mại dâm của xã. hongheo là tỷ lệ hộ nghèo của xã được tính bằng tỷ lệ của tổng số hộ nghèo trên tổng số hộ thường trú tại xã (%). namtb là tỷ lệ nam trung bình của xã bằng tổng số người dân nam chia cho tổng số người dân của xã (%). tuoitb là số tuổi trung bình của người dân trong xã được tính bằng tổng số tuổi của người dân trong xã chia cho tổng số dân của xã (tuổi). THCS là tỷ lệ người dân có số năm đi học từ 11 đến 14 năm được tính bằng tỷ lệ của tổng số người dân có số năm đi học từ 11 đến 14 năm trên tổng số người dân của xã (%). THPT là tỷ lệ người dân có số năm đi học từ 15 năm trở lên được tính bằng tỷ lệ của tổng số người dân có số năm đi học từ 15 năm trên tổng số người dân của xã (%). tbnguoi1ho là trung bình số người trong một hộ của xã bằng tỷ lệ của tổng số người trên địa bàn xã hiện tại và tổng số hộ gia đình trong xã (người). thunhaptb là thu nhập trung bình của 01 hộ gia đình trong xã được tính bằng tỷ lệ của thu nhập từ tiền lương, công của hộ trên tổng thu nhập của các hộ trong xã theo tháng (nghìn đồng/tháng). Gi là giá cả của rượu, bia được tính bằng tỷ lệ của tổng chi tiêu cho rượu, bia trên tổng tiêu thụ rượu, bia của xã (nghìn đồng/lít).

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Thống kê mô tả mẫu

Bảng 1

Thống kê mô tả mẫu

Tên biến	Số quan sát	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất
Tiêu thụ bia (lít/tháng)	1,367	3.662	3.613	0.043	39.6
Tiêu thụ rượu (lít/tháng)	1,367	2.352	1.568	0.063	12.667
Tỷ lệ thất nghiệp (%)	1,367	26.094	12.633	3.077	71.429
Ma túy (người)	1,367	12.024	24.063	0	520
Mại dâm (vụ)	1,367	0.070	0.474	0	10
Tỷ lệ hộ nghèo (%)	1,367	8.879	12.148	0	84.189
Tỷ lệ nam của xã (%)	1,367	49.359	4.268	33.333	62.319
Tỷ lệ nữ của xã (%)	1,367	50.641	4.268	37.681	66.667
Tuổi trung bình xã (tuổi)	1,367	35.347	4.630	19.545	51.816
Học vấn cấp Tiểu học (%)	1,367	79.107	11.512	31.915	100
Học vấn cấp THCS (%)	1,367	17.802	9.785	0	57.447
Học vấn cấp THPT (%)	1,367	3.091	3.854	0	28
Số người trung bình một hộ của xã (người)	1,367	3.856	0.596	0.01	7.731
Thu nhập trung bình của hộ trong xã (nghìn đồng/tháng)	1,367	6.867	8.458	0	100
Giá bia trung bình xã (nghìn đồng/lít)	1,367	25.175	9.772	7.5	209.086
Giá rượu trung bình xã (nghìn đồng/lít)	1,367	20.223	7.385	5	69.5

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu tổng hợp VHLSS 2018 (2022)

Thống kê mô tả (Bảng 1) cho thấy số nam và nữ trung bình trong cùng một xã xấp xỉ bằng nhau. Độ tuổi trung bình của một xã sử dụng rượu bia là 35 tuổi, nhóm tuổi này thuộc nhóm người lao động và vì thế có thể sử dụng rượu bia nhiều hơn so với các nhóm tuổi khác. Trình độ học vấn ở khu vực nông thôn giảm mạnh qua các cấp. Số người trung bình trong một xã có học vấn cấp tiểu học chiếm nhiều nhất khoảng 78.8%, cấp THCS khoảng 18% và cấp THPT khoảng 3.2%.

Các yếu tố cấp xã cho thấy số người nghiện ma túy trong một xã trung bình là 12 người. Bên cạnh đó, số vụ mại dâm trong một xã trung bình là 01 vụ. Tỷ lệ hộ nghèo trung bình của một xã chiếm 8.879%. Số người thất nghiệp trong một xã cũng chiếm tỷ trọng không nhỏ, trung bình một xã có 26% người thất nghiệp.

4.2. Kết quả hồi quy

Bảng 2

Tác động biên của các hệ số hồi quy tiêu thụ rượu và bia

Tiêu thụ trung bình	Mô hình rượu	Hệ số VIF mô hình rượu	Mô hình bia	Hệ số VIF mô hình bia
Tỷ lệ thất nghiệp	-0.004 (-1.40)	1.10	0.035*** (3.80)	1.11
Ma túy	0.056* (1.84)	1.09	-0.215*** (-3.05)	1.07
Mại dâm	0.318 (0.99)	1.02	0.337 (0.62)	1.02
Tỷ lệ hộ nghèo	0.022*** (5.29)	1.34	-0.044*** (-5.67)	1.35
Tỷ lệ nam của xã	0.006 (0.72)	1.03	0.012 (0.47)	1.03
Tuổi trung bình xã	-0.015* (-1.82)	1.24	0.009 (0.39)	1.24
Học vấn THCS	-0.012*** (-2.95)	1.29	-0.048*** (-4.85)	1.21
Học vấn THPT	-0.015* (-1.70)	1.12	0.059** (2.25)	1.12
Số người trung bình một hộ của xã	0.015 (0.21)	1.19	0.679*** (3.26)	1.15
Thu nhập trung bình của xã	0.002 (0.53)	1.01	-0.003 (-0.33)	1.01
Giá	-0.064*** (-10.34)	1.22	-0.034*** (-2.59)	1.03

Lưu ý: “***” là mức ý nghĩa đạt ở $p < 0.01$, “**” là mức ý nghĩa đạt ở $p < 0.05$, “*” là mức ý nghĩa đạt ở $p < 0.1$
 Nguồn: Tổng hợp từ mô hình hồi quy (2022)

Để đảm bảo tính vững của các hệ số hồi quy trong mô hình nghiên cứu, tác giả đã thực hiện các kiểm định về hiện tượng phương sai và đa cộng tuyến. Để giải quyết vấn đề về hiện tượng phương sai trong mô hình nghiên cứu nhóm tác giả đã sử dụng tùy chọn Robust trong câu lệnh hồi quy để khắc phục hiện tượng phương sai thay đổi. Kết quả kiểm định hệ số VIF ở Bảng 2 cho thấy tất cả các hệ số phóng đại VIF đều bé hơn 2 nên ta có thể kết luận phương trình hồi quy không có hiện tượng đa cộng tuyến.

4.3. Thảo luận kết quả nghiên cứu

Từ kết quả tác động biên (Bảng 2), nghiên cứu đưa ra những kết luận chính và giải thích về mức độ ảnh hưởng của các yếu tố tỷ lệ thất nghiệp, ma túy, mại dâm, tỷ lệ hộ nghèo đến lượng tiêu thụ rượu và bia của xã, ngoài ra nghiên cứu cũng phân tích và giải thích tác động của các yếu tố khác đến lượng tiêu thụ rượu và bia như: giới tính, tuổi, trình độ học vấn, số người trung bình trong một xã, thu nhập trung bình xã, giá rượu và giá bia.

Thứ nhất, tỷ lệ thất nghiệp có tác động dương đến lượng tiêu thụ bia với mức ý nghĩa 1%. Kết quả này được giải thích bởi 02 yếu tố tâm lý và văn hóa như sau. Về tâm lý, Mulia, Zemore, Murphy, Liu, và Catalano (2014) cho thấy sự gia tăng của việc sử dụng thức uống có cồn nguyên nhân vì người tiêu dùng có xu hướng xem rượu bia là một công cụ để đối phó với căng thẳng do thất nghiệp gây ra và cảm giác chán nản tăng lên khi họ bị thất nghiệp. Về văn hóa, chủ yếu bia được xem là đồ uống dùng hàng ngày cho những dịp thư giãn (Pettigrew & Charters, 2006; Pettigrew & Groves, 2003). Bia được tiêu thụ nhiều hơn trong những dịp cô đơn, như khi ở nhà thư giãn (Kim & Chintagunta, 2012; Pettigrew & Charters, 2006). Bia được phân loại là “đồ uống linh hoạt” vì việc tiêu thụ bia có thể có hoặc không liên quan đến bối cảnh ăn uống, một mình hoặc với những người khác (Pettigrew & Charters, 2006). Đặc biệt ở Việt Nam, lượng tiêu thụ bia tăng mạnh với tốc độ tăng trưởng nhanh chóng, nghiên cứu của Nguyen, Doran, Hill, và Dunne (2012) cho rằng với kinh tế ngày càng phát triển việc sử dụng bia qua các dịp giao tiếp, bạn bè như là một bản sắc Việt Nam.

Thứ hai, số người nghiện ma túy trong một xã làm tăng lượng tiêu thụ rượu và giảm tiêu thụ bia. Ma túy có tác động dương đến tiêu thụ rượu được giải thích rằng khi sử dụng đồng thời cả hai chất kích thích gồm ma túy và rượu sẽ tạo nên một cảm giác trải nghiệm mới, kích thích hơn cho người sử dụng (Hakkarainen & Metso, 2009). So với bia, rượu là thức uống có thể sản xuất từ nhiều nguồn và có giá cả không cố định. Ở các vùng nông thôn, rượu tự nấu tại nhà khá phổ biến nên thường có giá thấp (Luu, Nguyen, & Newman, 2014). Do đó, có thể giải thích sự trái ngược dấu của tác động ma túy đến lượng tiêu thụ rượu và bia.

Thứ ba, tỷ lệ hộ nghèo có tác động dương tới lượng tiêu thụ rượu của xã với mức ý nghĩa thống kê 1%. Ở những xã có tỷ lệ hộ nghèo cao sẽ tạo một áp lực lớn về mức sống và an sinh, các gánh nặng về tài chính, chi tiêu của hộ gia đình tạo cho người dân những khó khăn khiến họ cảm thấy căng thẳng, từ đó dẫn đến quyết định sử dụng rượu để giải tỏa dễ dàng hơn. Trái lại, nếu tỷ lệ hộ nghèo tăng thì làm giảm tiêu thụ bia. Điều này có thể giải thích bởi giá rượu có xu hướng rẻ hơn giá bia ở khu vực nông thôn nên động cơ tiêu thụ bia có tác động nghịch với tiêu thụ rượu. Kết quả cho thấy tỷ lệ hộ nghèo chịu tác động bởi giá nhiều hơn là văn hóa sử dụng rượu bia. Việc người thất nghiệp bị giảm thu nhập không hẳn là đúng, họ có thể bị thiệt hại ít hơn về mặt tài chính so với những người có thu nhập thấp vì các khoản tiết kiệm, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm việc làm hoặc các khoản thu nhập khác của gia đình. Tình trạng nghèo đói có thể nguy cấp hơn thất nghiệp vì đối với người dân sống trong một môi trường điều kiện sống không tốt trong một thời gian dài chắc chắn sẽ hình thành cho họ những áp lực tâm lý về cuộc sống lớn hơn so với việc họ chỉ nằm trong tình trạng thất nghiệp. Do đó, ta có thể thấy tỷ lệ hộ nghèo làm tăng việc sử dụng rượu, giảm sử dụng bia và tỷ lệ thất nghiệp tăng sử dụng bia.

Các yếu tố khác như trình độ học vấn, số người trung bình trong xã và giá của rượu, bia cũng có tác động đến lượng tiêu thụ rượu và bia. Nhìn chung, người có trình độ học vấn càng cao thì lượng tiêu thụ rượu càng giảm. Có thể, học vấn của một người giúp họ ý thức được các tác động xấu của đồ uống có cồn đến sức khỏe cá nhân và sức khỏe cộng đồng, từ đó, tự điều chỉnh hành vi tiêu thụ của mình đối với loại đồ uống này (Abdel-Ghany & Silver, 1998). Mặt khác, người có học vấn THPT có tác động tích cực đến việc tiêu thụ bia ở mức ý nghĩa 1%, điều này tương tự như nghiên cứu của Li, Wu, Selbæk, Krokstad, và Helvik (2017) cho rằng, người có trình độ học vấn cao hơn sẽ có động cơ sử dụng chất có cồn nhiều hơn. Có thể lý giải rằng văn hóa uống bia trong các dịp lễ, đám cưới hay các hoạt động kinh doanh cần tới việc tiêu thụ bia thay vì rượu Nguyen và cộng sự (2012).

Số người trung bình của một hộ trong xã và thu nhập trung bình của xã tăng thì lượng tiêu thụ bia cũng sẽ tăng và không tác động đến lượng tiêu thụ rượu. Nghiên cứu của Atkinson và cộng

sự (1990) đã chỉ ra rằng quy mô hộ gia đình có tác động đáng kể đến quyết định chi tiêu cho rượu, bia. Đối với những hộ gia đình có nhiều trẻ nhỏ hoặc người trong độ tuổi phụ thuộc cũng là một trong những nguyên nhân gây ra áp lực, căng thẳng cho chủ hộ từ đó dẫn đến quyết định sử dụng loại thức uống có cồn này.

Giá rượu và bia trung bình có tác động âm tới lượng tiêu thụ rượu bia của xã với mức ý nghĩa 1%. Các nghiên cứu trước của Chaloupka, Grossman, và Saffer (2002); Zhang và cộng sự (2008); Wagenaar, Salois, và Komro (2009); Radaev (2016) cũng đưa ra một kết quả tương tự khi mà giá hàng hóa càng tăng thì họ sẽ ngừng sử dụng hoặc tìm sản phẩm thay thế với tính năng tương tự. Do đó, giá là một trong những yếu tố có thể can thiệp và làm giảm tiêu thụ rượu, bia (Luu & ctg., 2014).

5. Kết luận

Bài nghiên cứu tập trung vào tác động của 04 biến chính về đặc điểm của xã là tỷ lệ thất nghiệp, ma túy, mại dâm và tỷ lệ hộ nghèo tới số lượng tiêu thụ rượu, bia trung bình của các xã tại nông thôn Việt Nam bằng cách sử dụng mô hình hồi quy tuyến tính OLS. Từ kết quả nghiên cứu đã chứng minh được rằng việc giảm lượng tiêu thụ rượu bia có liên quan đến những chính sách về giảm nghèo, tạo công ăn việc làm cho người dân và tăng cường ngăn chặn các tệ nạn xã hội như ma túy, mại dâm, có thể cân nhắc đánh thuế rượu bia để hạn chế các tệ nạn đi kèm. Ngoài ra các biến trình độ học vấn và giá cả cũng có tác động tới lượng tiêu thụ rượu, bia.

6. Hàm ý chính sách

Qua kết quả từ phân tích dữ liệu, chúng tôi đề xuất một số chính sách như sau:

Chính sách tạo công ăn việc làm: Thất nghiệp là một trong những tác nhân gây ra căng thẳng và từ đó đưa ra các quyết định sử dụng thức uống có cồn. Vì vậy cần có các chương trình phát triển kinh tế xã hội theo cơ cấu chuyển đổi số, xây dựng nông thôn mới, các chương trình việc làm và dạy nghề nhằm tạo ra môi trường lao động đa dạng cho người lao động.

Chính sách ổn định an ninh trật tự địa phương: Việc không quản lý nghiêm ngặt trật tự an ninh xã hội sẽ là môi trường thuận lợi phát triển các tệ nạn đi kèm theo đó là tiêu thụ các thức uống có cồn. Vì vậy, cần thực hiện cứng rắn và chặt chẽ các quy định phòng chống tệ nạn xã hội. Đặc biệt, cần phải giám sát chặt chẽ một số cơ sở hoạt động bất hợp pháp dưới dạng các quán rượu hay các vũ trường.

Chính sách giảm nghèo: Nghèo đói luôn là một vấn đề cấp thiết và đặc biệt được chú trọng trong nước, mặc dù đã có cải thiện. Song, tình hình nghèo đói ở một số khu vực vẫn còn tồn tại và khó có thể giải quyết triệt để. Do đó, Chính phủ và các cấp, khu vực địa phương cần quan tâm về mặt vật chất như hỗ trợ, quyên tặng, hỗ trợ việc làm nhằm thực hiện xóa đói giảm nghèo cho các khu vực nông thôn.

Chính sách tuyên truyền: Có thể thấy, lượng tiêu thụ rượu bia có xu hướng giảm khi trình độ học vấn tăng và quy mô hộ gia đình giảm. Do đó, cần phải tích cực tuyên truyền và giáo dục về tác hại của rượu bia ở các khu vực có trình độ học vấn chưa cao và quy mô hộ gia đình đông thành viên.

Chính sách về giá và đánh thuế rượu, bia: Từ kết quả trong bài nghiên cứu, có thể thấy rằng sự biến thiên của mức tiêu thụ rượu bia nhạy cảm với sự biến thiên của giá cả. Thực tế cho thấy tăng thuế và áp giá với hàng hóa này chỉ có tác động trong một khoảng thời gian ngắn, khi mà mức sống cao hơn họ sẽ sẵn sàng chi nhiều tiền hơn để sử dụng vì vậy mức thuế cũ đã không còn phù hợp. Để thực hiện cắt giảm lượng tiêu thụ loại thức uống có cồn này, Chính phủ, Nhà nước cần đưa ra một mức thuế mới phù hợp áp vào loại hàng hóa này theo những thời điểm phù hợp.

7. Hạn chế và hướng nghiên cứu tương lai

Mặc dù nghiên cứu đã đạt được một số kết quả, tuy nhiên nghiên cứu còn tồn tại hạn chế sau. Đề tài mới dừng lại ở việc phân tích dữ liệu thời điểm, chưa phân tích được ở dạng dữ liệu bảng để thấy được sự biến động của biến phụ thuộc theo thời gian. Tác giả hy vọng sẽ khắc phục hạn chế trên trong các nghiên cứu tiếp theo.

Tài liệu tham khảo

- Abdel-Ghany, M., & Silver, J. L. (1998). Economic and demographic determinants of Canadian households' use of and spending on alcohol. *Family and Consumer Sciences Research Journal*, 27(1), 62-90. doi:10.1177/1077727x980271003
- Andersson, L. M. C., Twum-Antwi, A., Staland-Nyman, C., & van Rooyen, D. R. (2017). Prevalence and socioeconomic characteristics of alcohol disorders among men and women in the Eastern Cape Province, South Africa. *Health & Social Care in the Community*, 26(1), e143-e153. doi:10.1111/hsc.12487
- Atkinson, A. B., Gomulka, J., & Stern, N. H. (1990). Spending on alcohol: Evidence from the Family expenditure survey 1970-1983. *The Economic Journal*, 100(402), 808-827. doi:10.2307/2233660
- Baltagi, B. H., & Goel, R. K. (1990). Quasi-experimental price elasticity of liquor demand in the United States:1960-83. *American Journal of Agricultural Economics*, 72(2), 451-454. doi:10.2307/1242348
- Bronfenbrenner, U. (1979). *The ecology of human development: Experiments by nature and design*. Cambridge, MA: Harvard University Press.
- Bursik, R. J., Jr. (1988). Social disorganization and theories of crime and delinquency: Problems and prospects. *Criminology*, 26(4), 519-552.
- Catalano, R. A., Lind, S. L., Rosenblatt, A. B., & Attkisson. C. C. (1999). Unemployment and foster home placements: Estimating the net effect of provocation and inhibition. *American Journal of Public Health*, 89(6), 851-855.
- Chaloupka, F. J., Grossman, M., & Saffer, H. (2002). The effects of price on alcohol consumption and alcohol-related problems. *Alcohol Research & Health*, 26(1), 22-34.
- Chersich, M. F., Luchters, S. M. F., Malonza, I. M., Mwarogo, P., King'Ola, N., & Temmerman, M. (2007). Heavy episodic drinking among Kenyan female sex workers is associated with unsafe sex, sexual violence and sexually transmitted infections. *International Journal of STD & AIDS*, 18(11), 764-769.
- Delva, J., & Kameoka, V. A. (1999). Risk for alcohol and drug abuse among ethnically diverse female recipients of public assistance. *Ethnic Diseases*, 9(2), 237-245.
- Droomers, M., Schrijvers, C. T. M., Stronks, K., Van De Mheen, D., & Mackenbach, J. P. (1999). Educational differences in excessive alcohol consumption: The role of psychosocial and material stressors. *Preventive Medicine*, 29(1), 1-10. doi:10.1006/pmed.1999.0496
- Forbes. (2019). *Where global alcohol consumption is rising & falling*. Truy cập ngày 09/05/2019 tại <https://www.forbes.com/sites/niallmccarthy/2019/05/09/where-global-alcohol-consumption-is-rising-falling-infographic/?sh=5d9b6b6816e4>
- Hakkarainen, P., & Metso, L. (2009). Joint use of drugs and alcohol. *European Addiction Research*, 15(2), 113-120. doi:10.1159/000209244

- Jayathilaka, R., Selvanathan, S., & Bandaralage, J. S. (2016). Is there a link between alcohol consumption and the level of poverty? *Applied Economics*, 48(22), 2054-2063.
- Johansson, E., Alho, H., Kiiskinen, U., & Poikolainen, K. (2007). The association of alcohol dependency with employment probability: Evidence from the population survey 'Health 2000 in Finland'. *Health Economics*, 16(7), 739-754.
- Jones-Webb, R., Snowden, L., Herd, D., Short, B., & Hannan, P. (1997). Alcohol-related problems among black, hispanic and white men: The contribution of neighborhood poverty. *Journal of Studies on Alcohol*, 58(5), 539-545. doi:10.15288/jsa.1997.58.539
- Karnani, A. (2009). *The bottom of the pyramid strategy for reducing poverty: A failed promise* (DESA Working Paper No. 80). doi:10.18356/5759db90-en
- Khan, S., Murray, R. P., & Barnes, G. E. (2002). A structural equation model of the effect of poverty and unemployment on alcohol abuse. *Addictive Behaviors*, 27(3), 405-423. doi:10.1016/s0306-4603(01)00181-2
- Kim, M., & Chintagunta, P. K. (2012). Investigating brand preferences across social groups and consumption contexts. *Quantitative Marketing and Economics*, 10(3), 305-333.
- Li, J., Wu, B., Selbæk, G., Krokstad, S., & Helvik, A. S. (2017). Factors associated with consumption of alcohol in older adults-a comparison between two cultures, China and Norway: The CLHLS and the HUNT-study. *BMC Geriatrics*, 17(1), 1-10.
- Luu, N. B., Nguyen, T. T., & Newman, I. M. (2014). Traditional alcohol production and use in three provinces in Vietnam: An ethnographic exploration of health benefits and risks. *BMC Public Health* 14, 731(2014), 1-14. doi:10.1186/1471-2458-14-731
- MacDonald, Z., & Shields, M. (2004). Does problem drinking affect employment? Evidence from England. *Health Economics*, 13(2), 139-155.
- Mbonye, M., Rutakumwa, R., Weiss, H., & Seeley, J. (2014). Alcohol consumption and high risk sexual behaviour among female sex workers in Uganda. *African Journal of AIDS Research*, 13(2), 145-151. doi:10.2989/16085906.2014.927779
- Mulia, N., Zemore, S. E., Murphy, R., Liu, H., & Catalano, R. (2014). Economic loss and alcohol consumption and problems during the 2008 to 2009 US recession. *Alcoholism: Clinical and Experimental Research*, 38(4), 1026-1034.
- Mullahy, J., & Sindelar, J. L. (1991). Gender differences on labor market effects of alcoholism. *American Economic Review*, 81(2), 161-165.
- Nguyen, T. M., Doran, C. M., Hill, P. S., & Dunne, M. P. (2012). Alcohol reform in Viet Nam. *Applied Health Economics and Health Policy*, 10(5), 285-287. doi:10.1007/BF03261861
- Odukoya, O., Sekoni, A., Onajole, A., & Upadhyay, R. (2013). Alcohol consumption and cigarette smoking pattern among brothelbased female sex workers in two local government areas in Lagos state, Nigeria. *African Health Sciences*, 13(2), 490-497. doi:10.4314/ahs.v13i2.41
- Pearlin, L. I., Menaghan, E. G., Lieberman, M. A., & Mullan, J. T. (1981). The stress process. *Journal of Health and Social behavior*, 22(4), 337-356.
- Peirce, R. S., Frone, M. R., Russell, M., & Cooper, M. L. (1994). Relationship of financial strain and psychosocial resources to alcohol use and abuse: The mediating role of negative affect and drinking motives. *Journal of Health and Social Behavior*, 35(4), 291-308.
- Pettigrew, S., & Charters, S. (2006). Consumers' expectations of food and alcohol pairing. *British Food Journal*, 108(3), 169-180.

- Pettigrew, S., & Groves, R. (2003). Australia, alcohol and the Aborigine: Alcohol consumption differences between non-Indigenous and Indigenous Australians. *Journal of Research for Consumers*, (6), 1-16.
- Pu, C., Lan, V., Chou, Y., & Lan, C. (2008). The crowdingout effects of tobacco and alcohol where expenditure shares are low: Analyzing expenditure data for Taiwan. *Social Science and Medicine*, 66(9), 1979-1989. doi:10.1016/j.socscimed.2008.01.007
- Radaev, V. (2016). Divergent drinking patterns and factors affecting homemade alcohol consumption (The case of Russia). *International Journal of Drug Policy*, 34(8), 88-95.
- Samarasinghe, D. (2006). Sri Lanka: Alcohol now and then. *Addiction*, 101(5), 626-628. doi:10.1111/j.1360-0443.2006.01400.x
- Sampson, R. J., Raudenbush, S. W., & Earls, F. (1997). Neighborhoods and violent crime: A multilevel study of collective efficacy. *Science*, 277(5328), 918-924.
- Shaw, C. R., & McKay, H. D. (1942). *Juvenile delinquency and urban areas*. Chicago, IL: University of Chicago Press.
- Singer, M., Valentín, F., Baer, H., & Jia, Z. (1992). Why does Juan García have a drinking problem? The perspective of critical medical anthropology. *Medical Anthropology: Cross-Cultural Studies in Health and Illness*, 14(1), 77-108. doi:10.1080/01459740.1992.9966067
- Terza, J. V. (2002). Alcohol abuse and employment: A second look. *Journal of Applied Econometrics*, 17(4), 393-404.
- Touvier, M., Druet-Pecollo, N., Kesse-Guyot, E., Andreeva, V. A., Galan, P., Hercberg, S., & Latino-Martel, P. (2013). Demographic, socioeconomic, disease history, dietary and lifestyle cancer risk factors associated with alcohol consumption. *International Journal of Cancer*, 134(2), 445-459. doi:10.1002/ijc.28365
- Wagenaar, A. C., Salois, M. J., & Komro, K. A. (2009). Effects of beverage alcohol price and tax levels on drinking: A meta- analysis of 1003 estimates from 112 studies. *Addiction*, 104(2), 179-190.
- WHO. (2018). *WHO calls for strong actions to tackle harmful use of alcohol*. Truy cập ngày 18/07/2018 tại <https://www.who.int/vietnam/news/detail/18-07-2018-who-calls-for-strong-actions-to-tackle-harmful-use-of-alcohol>
- WHO. (2022). *Alcohol*. Truy cập ngày 09/05/2022 tại <https://www.who.int/news-room/fact-sheets/detail/alcohol>
- Wilson, S. H., & Walker, G. M. (1993). Unemployment and health: A review. *Public Health*, 107(3), 153-162.
- Wilton, R., & Moreno, C. M. (2012). Critical geographies of drugs and alcohol. *Social & Cultural Geography*, 13(2), 99-108. doi:10.1080/14649365.2012.670505
- Yadav, G., Saskin, R., Ngugi, E., Kimani, J., Keli, F., Fonck, K., ... Kibera HIV Study Group. (2005). Associations of sexual risk taking among Kenyan female sex workers after enrollment in an HIV-1 prevention trial. *JAIDS Journal of Acquired Immune Deficiency Syndromes*, 38(3), 329-334.
- Zhang, B., Cartmill, C., & Ferrence, R. (2008). The role of spending money and drinking alcohol in adolescent smoking. *Addiction*, 103(2), 310-319. doi:10.1111/j.1360-0443.2007.02058.x

